

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung Dự án Nhà máy lọc hóa dầu tại Khu kinh tế Nhơn Hội,
tỉnh Bình Định vào Quy hoạch phát triển ngành dầu khí

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải tại công văn số 190/VPCP-KTN ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Văn phòng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy lọc hóa dầu tại Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định (Dự án), trong đó giao Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xem xét đề nghị của UBND tỉnh Bình Định tại Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về việc xin chủ trương đầu tư Dự án và tại Công văn số 219/UBND-KTN ngày 21 tháng 01 năm 2013 về việc giải trình bổ sung về Dự án, Bộ Công Thương đã có các Công văn số 154/BCT-TCNL ngày 07 tháng 01 năm 2013 và số 548/BCT-TCNL ngày 18 tháng 01 năm 2013 đề nghị các Bộ, ngành xem xét, góp ý kiến.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, Bộ Công Thương xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. Tóm tắt đề xuất đầu tư Dự án**1. Thông tin về Dự án**

- Tên dự án: Dự án Nhà máy lọc hóa dầu tại Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư (dự kiến): Tập đoàn Dầu khí Thái Lan (PTT), Công ty Dầu khí Quốc gia Thái Lan, các đối tác Việt Nam, các đối tác nước ngoài khác.
- Quy mô diện tích: khoảng 2.000 ha.
- Công suất: 660.000 thùng dầu thô/ngày (tương đương 30 triệu tấn/năm).
- Nguồn dầu thô: có thể sử dụng nhiều loại dầu thô có chất lượng khác nhau từ 3 khu vực cung cấp chính với tỷ lệ: 45% từ Trung Đông, 25% từ Châu Phi và 30% từ Nam/Trung Mỹ; dự kiến 50% dầu thô sẽ được mua qua hợp đồng dài hạn (term) và 50% mua qua hợp đồng ngắn hạn (spot).
- Sản phẩm: lọc dầu (LPG, xăng 92/95, Jet-A1, DO,...) và hóa dầu (PE, PP, DEA, DEG, benzen,...), trong đó sản phẩm hóa dầu chiếm khoảng 35%.
- Các thông số kinh tế chính (theo đánh giá sơ bộ):

- + Tổng vốn đầu tư: 26,9 tỷ USD (theo mức năm 2012).
- + Giá trị hiện tại thuần (NPV): 9.500 triệu USD.
- + Tỷ suất thu hồi nội bộ thực (IRR): 14,8%.
- Thị trường tiêu thụ: nội địa Việt Nam; xuất khẩu sang Nhật Bản, Trung Quốc và các nước khác trong khu vực.
- Kế hoạch thực hiện Dự án:
 - + Nghiên cứu tiền khả thi: 4 tháng (đã thực hiện xong).
 - + Nghiên cứu khả thi: 10-12 tháng.
 - + Nếu toàn bộ công tác chuẩn bị, tổ chức đấu thầu, phê duyệt và các thủ tục liên quan khác được hoàn thành, có thể khởi công xây dựng vào quý I năm 2016.
 - + Thời gian xây dựng, kể cả vận hành thử khoảng 3,5 năm; vận hành chính thức vào đầu năm 2019.
- Thiết bị, công nghệ: sử dụng các thiết bị công nghệ tiên tiến nhất hiện nay được sản xuất từ nhiều nước khác nhau thuộc châu Á, châu Âu và châu Mỹ (giai đoạn chọn thầu EPC sẽ lựa chọn cụ thể).
- Tác động về môi trường: bảo đảm tiêu chuẩn quy định.
- Tác động về kinh tế và xã hội: Dự án đi vào hoạt động sẽ tăng cường đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đóng góp trực tiếp vào thu ngân sách, đồng thời tạo động lực thúc đẩy các ngành công nghiệp liên quan. Về mặt xã hội, Dự án tạo mới việc làm trực tiếp cho khoảng 10.000 - 30.000 lao động và khoảng 100.000 lao động gián tiếp thông qua các chuỗi sản xuất, cung ứng liên quan.

2. Đề nghị của UBND tỉnh Bình Định

Về chủ trương đầu tư cảng dầu và khu lọc, hóa dầu tại Khu kinh tế Nhơn Hội, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý cho phép tại công văn 989/TTg-DK ngày 26 tháng 6 năm 2006. Tuy nhiên, tại Quyết định số 223/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành dầu khí Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025 (Quy hoạch), Dự án không có trong Quy hoạch. Vì vậy, đề nghị Bộ Công Thương xem xét có ý kiến đề xuất Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương bổ sung quy hoạch và cho phép Nhà đầu tư được triển khai đầu tư Dự án.

II. Ý kiến của các Bộ, ngành

1) Bộ Giao thông vận tải (công văn số 1382/BGTVT-KHDT ngày 19 tháng 02 năm 2013)

- Cần nghiên cứu kỹ về nhu cầu của thị trường và nguồn nguyên liệu để đảm bảo phù hợp với Quy hoạch và tính cân đối, khả thi và hiệu quả kinh tế của các dự án lọc hóa dầu đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép triển khai thực

hiện cũng như của Dự án này.

- Về các vấn đề liên quan tới giao thông vận tải:

- + Cần lưu ý, tuyến luồng vào khu vực Nhơn Hội hiện nay đang rất cạn, cao độ chỉ đạt 0.00 (hệ hải hồ). Do vậy, để có thể xây dựng khai thác bến tạm phục vụ thi công cũng như xây dựng phương án nhập dầu thô cần nạo vét luồng và hạch toán chi phí này vào kinh phí đầu tư xây dựng của Dự án.

- + Trong các bước triển khai tiếp theo, Chủ đầu tư cần thực hiện việc bổ sung quy hoạch cảng chuyên dụng của Nhà máy theo quy định hiện hành.

2) Bộ Tài nguyên và Môi trường (công văn số 583/BTNMT-KH ngày 22 tháng 02 năm 2013)

- Để đảm bảo cơ sở pháp lý triển khai Dự án, sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép, cần bổ sung Dự án vào Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của địa phương trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

- Toàn bộ diện tích Khu kinh tế Nhơn Hội có tiềm năng về quặng sa khoáng titan trong tầng cát xám nhưng chưa được đánh giá tổng thể. Đề nghị cân nhắc kỹ vị trí, quy mô dự án và có giải pháp thực hiện phù hợp để tránh làm thất thoát tài nguyên khoáng sản.

- Dự án thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3) Bộ Tài chính (công văn số 3148/BTC-ĐT ngày 12 tháng 3 năm 2013)

- Về chủ trương đầu tư Dự án: việc xem xét bổ sung Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội cần được xem xét tổng thể trên cơ sở nhu cầu và khả năng cung cấp các sản phẩm lọc hóa dầu tại thị trường trong nước, khả năng xuất khẩu, yếu tố nguyên liệu đầu vào, thị trường tiêu thụ sản phẩm, năng lực tài chính, kinh nghiệm của nhà đầu tư,...

Trong trường hợp, Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội được chủ đầu tư chứng minh tính khả thi, nguồn lực tài chính và cam kết triển khai với tiến độ hoàn thành sớm hơn các dự án khác đã được phê duyệt/cấp phép; có lợi thế cạnh tranh hơn so với các dự án khác nằm trong Quy hoạch thì có thể xem xét trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương bổ sung dự án vào Quy hoạch.

- Về một số nội dung liên quan đến Dự án:

- + Về nguyên liệu đầu vào: đề nghị Nhà đầu tư có giải trình rõ về nội dung đảm bảo nguồn nguyên liệu, phương án vận chuyển và cung cấp nguyên liệu đầu vào cho Dự án.

- + Về thị trường tiêu thụ sản phẩm: đề nghị Nhà đầu tư có đánh giá về khả năng cung cầu các sản phẩm lọc hóa dầu cũng như khả năng về thị trường tiêu thụ sản phẩm của Dự án.

- + Về nhu cầu sử dụng đất: trong trường hợp Dự án được Thủ tướng Chính

phù chấp thuận chủ trương đầu tư, đề nghị giao đất theo tiến độ triển khai Dự án, đảm bảo hiệu quả sử dụng đất, tránh lãng phí nguồn lực đất đai.

+ Về tiến độ triển khai và phân kỳ đầu tư: đề nghị Nhà đầu tư có thuyết minh giải trình về nội dung này.

+ Về năng lực tài chính của Nhà đầu tư: đề nghị Nhà đầu tư giải trình, chứng minh rõ về năng lực tài chính bố trí triển khai dự án.

+ Về các ưu đãi và cam kết của Chính phủ: đề nghị các chính sách ưu đãi đầu tư áp dụng cho Dự án thực hiện theo quy định hiện hành. Việc bổ sung Dự án vào Quy hoạch thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật và Chính phủ sẽ không chịu bất cứ ràng buộc nào về cam kết bảo lãnh của Chính phủ theo đề nghị của Chủ đầu tư hay các bên liên quan.

+ Về hiệu quả kinh tế của Dự án: đề nghị Nhà đầu tư tính toán lại hiệu quả kinh tế của Dự án trên cơ sở các ưu đãi theo quy định hiện hành của pháp luật.

+ Về tính toán giá đầu ra: đề nghị Nhà đầu tư tính toán lại hiệu quả kinh tế của dự án trên cơ sở giá xuất bán tại công nhà máy theo điều kiện giá FOB.

+ Về vấn đề quy hoạch cảng nhập khẩu dầu thô và phương án vận chuyển tiêu thụ sản phẩm: đề nghị Nhà đầu tư có giải trình cụ thể nội dung này.

+ Ngoài ra, đề nghị Nhà đầu tư làm rõ thời gian hoạt động của Dự án là bao nhiêu năm.

Bộ Công Thương cần yêu cầu Nhà đầu tư làm rõ các điểm nêu trên, trên cơ sở đó tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc bổ sung Dự án vào Quy hoạch.

4) Bộ Xây dựng (công văn số 393/BXD-HĐXD ngày 14 tháng 3 năm 2013)

- Theo văn bản số 989/TTg-DK ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, Khu kinh tế Nhơn Hội được phép đầu tư cảng dầu, khu lọc hóa dầu. Tuy nhiên, Quyết định số 223/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Dầu khí Việt Nam không có Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội. Căn cứ mục 8 Bảng 7 - Danh mục các NMLD ban hành kèm theo Quyết định 223/QĐ-TTg thì sau 2015 các dự án đầu tư mới hoặc các NMLD hiện có được mở rộng công suất sẽ có tổng công suất tăng thêm từ 20-25 triệu tấn/năm; đồng thời căn cứ Quy hoạch chung Khu kinh tế Nhơn Hội đã được phê duyệt, Bộ Xây dựng thống nhất kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bổ sung Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội vào Quyết định 223/QĐ-TTg.

- Trường hợp Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội được Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận bổ sung Quy hoạch, đề nghị Bộ Công Thương rà soát điều chỉnh Quy hoạch, quy mô các dự án lọc dầu, hóa dầu tại Bảng 7, Bảng 8 - Danh mục các dự án lọc dầu, hóa dầu ban hành kèm theo Quyết định 223/QĐ-TTg cho phù hợp với tình hình thực tế phát triển ngành dầu khí nói

chung và các dự án lọc dầu, hóa dầu nói riêng.

- Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội có quy mô lớn, đề nghị Nhà đầu tư giải trình rõ thị trường cung cấp dầu thô, tiêu thụ sản phẩm; nhu cầu sử dụng đất, mặt biển; các ưu đãi, chính sách, cơ chế hỗ trợ đầu tư; nguồn vốn đầu tư,... đồng thời xem xét đến quy mô các dự án lọc hóa dầu đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư cũng như thị trường tiêu thụ sản phẩm hóa dầu trong nước.

- Yêu cầu Nhà đầu tư đổi tên Dự án đầu tư phù hợp với quy định tại Điều 31, 32 Luật Doanh nghiệp và cam kết sản phẩm của Nhà máy không làm ảnh hưởng, chi phối đến thị trường bán lẻ xăng dầu tại Việt Nam.

5) Bộ Kế hoạch và Đầu tư (chưa có văn bản góp ý)

6) Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (công văn số 566/DKVN-CBDK ngày 21 tháng 01 năm 2013)

- Quy hoạch ngành dầu khí đã quy hoạch xây dựng các NMLD trên toàn quốc trên cơ sở dự báo cung cầu đầy đủ sản phẩm cho nhu cầu của Việt Nam đến năm 2025 và giai đoạn tiếp theo, trong đó không có Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội tại tỉnh Bình Định (một địa điểm rất gần Vũng Rô, Vân Phong, Dung Quất nơi đã được quy hoạch xây dựng các NMLD). Vì vậy, để xem xét bổ sung vào Quy hoạch, Dự án cần phải có đánh giá, khảo sát cụ thể về tình hình cung cầu các sản phẩm để đảm bảo tính thực tiễn và phù hợp với nhu cầu phát triển của Việt Nam, tránh tình trạng dư thừa nguồn cung lớn.

- Thực hiện Chiến lược và Quy hoạch ngành dầu khí đã được Chính phủ phê duyệt, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã tham gia đầu tư các Dự án: NMLD Dung Quất, Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổ hợp hóa dầu miền Nam và đang tiếp tục nghiên cứu hợp tác đầu tư Dự án NMLD Long Sơn với mục tiêu đến năm 2025 hoàn thành và vận hành 3 trung tâm lọc hóa dầu tại Việt Nam. Ngoài công tác đầu tư xây dựng, PVN có trách nhiệm bao tiêu sản phẩm của NMLD Dung Quất và Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn cũng như thay mặt Chính phủ thực hiện các cam kết của Chính phủ với các dự án này. PVN cho rằng việc bổ sung Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội sẽ tác động lớn đến cán cân năng lượng, dư thừa nguồn cung tại thị trường nội địa, trực tiếp ảnh hưởng đến khả năng bao tiêu sản phẩm từ Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn của PVN, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước tại NMLD Dung Quất và Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn.

- Thực tế triển khai các dự án chế biến dầu khí tại Việt Nam cho thấy để xây dựng và vận hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả cần có sự hỗ trợ ưu đãi rất lớn từ Chính phủ về thuế, cơ sở hạ tầng, chuyển đổi ngoại tệ. Báo cáo của PTT lập chưa đánh giá đầy đủ một số yếu tố quan trọng như khả năng cung ứng nguồn dầu thô nguyên liệu đầu vào ổn định, dài hạn, các đối tác cụ thể góp vốn đầu tư, năng lực tài chính, phương án thu xếp vốn và các yêu cầu phải có từ nước chủ nhà. Đề nghị Bộ Công Thương xem xét tính khả thi của Dự án, tránh tình trạng một số dự án NMLD tại Việt Nam mặc dù được cấp phép đã nhiều

năm nay nhưng không triển khai được do khó khăn về vốn và năng lực các bên tham gia như NMLD Cần Thơ, NMLD Nam Vân Phong.

Vì các lý do trên, PVN kiến nghị không ủng hộ chủ trương xây dựng Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội để tránh tình trạng mất cân bằng cung cầu cũng như tuân thủ Chiến lược, Quy hoạch phát triển ngành dầu khí đã được Chính phủ phê duyệt.

(Ý kiến góp ý chi tiết của các Bộ, ngành được nêu trong Phụ lục kèm theo).

III. Ý kiến của Bộ Công Thương

1. Đánh giá tình hình triển khai các dự án NMLD có trong Quy hoạch

Bảng dưới đây tổng hợp về tình hình triển khai các dự án NMLD có trong Quy hoạch.

TT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Công suất (triệu tấn/năm)	Nguyên liệu (dầu thô)	Sản phẩm	Hình thức đầu tư	Tiến độ đưa vào vận hành theo Quy hoạch	Đánh giá tiến độ so với yêu cầu của Quy hoạch
1	NMLD Dung Quất	Dung Quất, Quảng Ngãi	6,5	Việt Nam	Nhiên liệu, propylen,	PVN 100%	2009	Đúng tiến độ
2	Nâng cấp, mở rộng NMLD Dung Quất	Dung Quất, Quảng Ngãi	8-10	Nhập khẩu	Nhiên liệu và các sản phẩm hoá dầu	PVN hoặc PVN liên doanh với các đối tác nước ngoài	Trước 2015	Chậm tiến độ (đang tìm đối tác, chưa rõ tiến độ)
3	Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	Nghi Sơn, Thanh Hóa	10	Nhập khẩu (Trung Đông)	Nhiên liệu và các sản phẩm hoá dầu	Liên doanh	2013 (trước 2020)	Chậm tiến độ (dự kiến hoàn thành năm 2017)
4	NMLD Vũng Rô	Đông Hòa, Phú Yên	8	Nhập khẩu	Nhiên liệu và các sản phẩm hoá dầu	100% vốn nước ngoài	2012 (với công suất 4 triệu tấn/năm)	Chậm tiến độ (dự kiến hoàn thành năm 2016-2017)
5	NMLD Cần Thơ	KCN Ô Môn – Cần Thơ	2	Việt Nam/nhập khẩu	Nhiên liệu	Liên doanh	2011	Chậm tiến độ, tính khả thi không cao
6	NMLD Long Sơn (NMLD số 3)	Long Sơn, Bà Rịa - Vũng tàu	10	Nhập khẩu	Nhiên liệu và các sản phẩm hóa dầu	Liên doanh	2011-2015 (trước 2020)	Chậm tiến độ (đang tìm đối tác, dự kiến hoàn thành sau năm 2020)
7	NMLD Nam Vân Phong	KKT Vân Phong	10	Nhập khẩu	Nhiên liệu và các sản phẩm hoá	Liên doanh	Trước 2015	Chậm tiến độ (đang tìm đối tác, dự

<i>TT</i>	<i>Dự án</i>	<i>Địa điểm xây dựng</i>	<i>Công suất (triệu tấn/năm)</i>	<i>Nguyên liệu (dầu thô)</i>	<i>Sản phẩm</i>	<i>Hình thức đầu tư</i>	<i>Tiến độ đưa vào vận hành theo Quy hoạch</i>	<i>Đánh giá tiến độ so với yêu cầu của Quy hoạch</i>
					dầu			kiến hoàn thành sau năm 2020)
8	Các NMLD mới/hoặc mở rộng các NMLD hiện có	-	20-25	Nhập khẩu	Nhiên liệu và các sản phẩm hoá dầu	Liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài	Sau 2015	

Có thể thấy rằng, hầu hết các dự án NMLD đều bị chậm tiến độ so với yêu cầu đề ra trong Quy hoạch, trong đó:

- Cho đến nay, Dự án nâng cấp, mở rộng NMLD Dung Quất, Dự án NMLD Nam Vân Phong, Dự án NMLD Long Sơn đều vẫn đang trong giai đoạn tìm kiếm đối tác tham gia đầu tư và chưa rõ khả năng tìm được nên tiến độ triển khai sẽ chậm hơn nhiều so với Quy hoạch.

- Dự án NMLD Cần Thơ có công suất nhỏ và đang gặp vướng mắc nên khả năng thực hiện là không cao.

Ngoài ra, trong Quy hoạch cũng có quy định để mở khả năng bổ sung các NMLD mới hoặc nâng cấp các NMLD hiện có giai đoạn sau 2015.

2. Về cân đối cung cầu sản phẩm xăng dầu trong nước

Dựa trên đánh giá về nhu cầu sản phẩm xăng dầu trong Báo cáo Quy hoạch ngành dầu khí và tình hình thực tế triển khai các dự án NMLD, cân đối cung cầu các sản phẩm xăng dầu được dự báo như sau:

Đơn vị : triệu tấn

<i>TT</i>	<i>Cân đối cung cầu</i>	<i>2020</i>	<i>2025</i>
1	Nhu cầu (*)	29,0	41,0
2	Nguồn cung	36,0	52,0
	- NMLD Dung Quất	6,0	6,0
	- Mở rộng NMLD Dung Quất	3,0	3,0
	- Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	6,5	6,5
	- NMLD Vũng Rô	7,0	7,0
	- Các nhà máy chế biến condensat	1,0	1,0
	- Các nhà máy nhiên liệu sinh học	0,5	0,5
	- Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội	12,0	12,0

TT	Cân đối cung cầu	2020	2025
	- NMLD Long Sơn (**)	-	8,0
	- NMLD Nam Vân Phong (**)	-	8,0
3	Cân đối cung cầu		
	- Trường hợp không có Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội	-5	-1
	- Trường hợp có Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội	+7	+11

Ghi chú:

(*) Theo Quy hoạch ngành dầu khí, nhu cầu các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam dự kiến như sau: năm 2020, khoảng 26-32 triệu tấn/năm (phương án cơ sở 29 triệu tấn/năm); năm 2025, khoảng 38-44 triệu tấn/năm (phương án cơ sở 41 triệu tấn/năm);

(**) Giả thiết các Dự án NMLD Long Sơn và Nam Vân Phong chỉ đưa vào hoạt động sau năm 2020.

Với tình hình trên, Bộ Công Thương cho rằng:

- Đến năm 2020, nếu Dự án Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn (công suất 10 triệu tấn/năm) và Dự án NMLD Vũng Rô (vừa được Chính phủ cho phép nâng công suất lên 8 triệu tấn/năm) được triển khai đúng tiến độ cùng với các nhà máy hiện có (NMLD Dung Quất – 6,5 triệu tấn/năm và các nhà máy chế biến condensate, nhiên liệu sinh học – 1,5 triệu tấn/năm), nguồn cung trong nước vẫn thiếu hụt so với nhu cầu khoảng 5 triệu tấn.

- Đến năm 2025, nếu NMLD Nam Vân Phong và NMLD Long Sơn tiếp tục được đưa vào vận hành thì nguồn cung sẽ cơ bản đáp ứng nhu cầu trong nước (chỉ thiếu khoảng 1 triệu tấn).

Như vậy, nếu các NMLD có trong Quy hoạch đều được triển khai như Quy hoạch thì việc có thêm Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội (công suất khoảng 30 triệu tấn/năm, sản xuất ra khoảng 12 triệu tấn xăng dầu) sẽ gây dư thừa về nguồn cung sản phẩm xăng dầu trong nước (khoảng 7-11 triệu tấn/năm). Trong trường hợp này, có thể xem xét bổ sung Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội vào Quy hoạch theo hướng thị trường trong nước sẽ được ưu tiên cho các NMLD đã triển khai, phần thiếu hụt do Dự án cung cấp, sản phẩm dư thừa của Dự án phải xuất khẩu. Trường hợp một số dự án NMLD có trong Quy hoạch (như NMLD Nam Vân Phong và/hoặc NMLD Long Sơn) không được đưa vào vận hành đúng tiến độ trong giai đoạn 2021-2025 (và đây là khả năng có thể diễn ra) thì việc bổ sung Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội vào Quy hoạch và cho phép tham gia thị trường trong nước với mức độ cao hơn là chấp nhận được.

3. Về cân đối cung cầu sản phẩm hóa dầu trong nước

3.1. Về sản phẩm nhựa (PE, PP, PVC)

Dựa trên đánh giá về nhu cầu sản phẩm nhựa trong Báo cáo Quy hoạch hóa dầu đã được phê duyệt và tình hình triển khai các dự án NMLD và hóa dầu, cân đối cung cầu các sản phẩm nhựa được dự báo như sau:

Đơn vị : triệu tấn

TT	Cân đối cung cầu	2020	2025
1	Nhu cầu	4,90	8,10
2	Nguồn cung	6,95	6,95
	- NMLD Dung Quất	0,15	0,15
	- Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	0,35	0,35
	- NMLD Vũng Rô	0,30	0,30
	- Tổ hợp hóa dầu miền Nam	1,65	1,65
	- Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội	4,0	4,0
	- Các NMLD khác (*)	0,50	0,50
3	Cân đối cung cầu	+2,05	-1,15

Ghi chú:

(*) Số liệu ước tính.

Theo cân đối cung cầu nêu trên, trong trường hợp các Dự án Tổ hợp hóa dầu miền Nam và Nhà máy lọc hóa dầu Vũng Rô được đưa vào vận hành đúng tiến độ, việc bổ sung Dự án Nhà máy lọc dầu Nhơn Hội sẽ tạo ra nguồn cung sản phẩm nhựa trong nước vượt nhu cầu khoảng 2 triệu tấn. Tuy nhiên, sau năm 2025, sản phẩm của các Dự án cung cấp cho thị trường nội địa vẫn thiếu hụt khoảng 1 triệu tấn.

3.2. Các sản phẩm hóa dầu khác (Aromatic,...)

Đối với các sản phẩm hóa dầu khác, nguồn cung trong nước không đáng kể (sản phẩm của Dự án Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn chủ yếu phục vụ xuất khẩu) nên việc tiêu thụ một phần sản phẩm hóa dầu của Dự án trong nước là khả thi.

4. Về các tác động của Dự án

a) Nếu cho phép Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội được bổ sung Quy hoạch để triển khai và tham gia thị trường phân phối trong nước thì cần lưu ý vấn đề có thể dẫn tới dư thừa về nguồn cung giai đoạn 2020-2025 nếu các Dự án NMLD Long Sơn và Nam Vân Phong cũng được đưa vào vận hành giai đoạn này (như đã trình bày ở phần trên).

b) Nếu cho phép Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nhơn Hội được bổ sung Quy hoạch để triển khai theo hướng chủ yếu phục vụ xuất khẩu sản phẩm thì cần lưu ý:

Theo báo cáo bổ sung của Nhà đầu tư, Dự án vẫn có hiệu quả nếu xuất khẩu toàn bộ sản phẩm lọc dầu. Như vậy, Việt Nam chỉ là đơn thuần địa điểm chế biến trung gian (nhập khẩu dầu thô và xuất khẩu sản phẩm), vì vậy cần phân tích, đánh giá thêm về các khía cạnh:

- Ảnh hưởng đến môi trường sinh thái nếu nhà máy chỉ thuần túy nhập dầu thô và chế biến sản phẩm xuất khẩu.

- Các chính sách ưu đãi đầu tư về đất đai, thuế,... áp dụng cho các dự án NMLD khác tiêu thụ sản phẩm tại thị trường Việt Nam không áp dụng cho Dự án này.

- Dự án dự kiến xuất khẩu sản phẩm xăng dầu sang thị trường các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Indonesia,... là những nước có thị trường sản xuất và tiêu thụ xăng dầu lớn nhất Châu Á, tuy nhiên mức độ chắc chắn của thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa được luận cứ rõ ràng.

5. Về tiến độ

Nhà đầu tư đề xuất tiến độ như sau: quý I năm 2016 khởi công và sau 3,5 năm sẽ hoàn thành. Theo Bộ Công Thương, tiến độ như đã nêu đối với dự án có quy mô công suất 30 triệu tấn/năm có cấu hình công nghệ phức tạp và đòi hỏi nhu cầu vốn rất lớn lại đầu tư trong điều kiện cụ thể của Việt Nam là khó khả thi.

6. Về kỹ thuật - công nghệ

Theo đề xuất của Nhà đầu tư, Nhà máy có cấu hình tương đối phức tạp, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất hiện nay.

7. Về nguồn nguyên liệu dầu thô

Dự án dự kiến sẽ dự kiến sử dụng dầu thô nhập khẩu với cơ cấu 50% thông qua hợp đồng dài hạn và 50% thông qua hợp đồng ngắn hạn. Theo Bộ Công Thương, cơ cấu nguồn như đề xuất là tương đối rủi ro đối với một dự án có công suất lớn, cần phải tăng tỷ lệ nguyên liệu qua hợp đồng dài hạn. Bên cạnh đó, nguồn nguyên liệu dầu thô đề cập trong Báo cáo mới chỉ dừng ở mức dự kiến.

8. Về đối tác tham gia Dự án

- PTT là Tập đoàn lớn của Thái Lan, có kinh nghiệm trong lĩnh vực thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm dầu khí. Tuy nhiên, Báo cáo của PTT chưa thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của PTT đối với việc đầu tư, xây dựng Dự án. Do đó, đề nghị PTT cần thể hiện rõ hơn sự quan tâm và định hướng đầu tư Dự án.

- Về các đối tác Việt Nam có thể tham gia: hiện nay Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) đều được Chính phủ giao tham gia 2 Dự án NMLD Long Sơn và Nam Vân Phong, trong khi khả năng của hai Tập đoàn có hạn. Do vậy, khả năng tham gia góp vốn để thực hiện Dự án ở mức 30% là khó khả thi.

- Về khả năng tham gia góp vốn của các đối tác cung cấp dầu thô: PTT đề xuất mới chỉ dừng lại ở mức dự kiến nên việc tham gia góp vốn của các đối tác này chưa rõ.

9. Về tổng mức đầu tư và hiệu quả kinh tế

Đánh giá sơ bộ, tổng mức đầu tư khoảng 27 tỷ USD là tương đối phù hợp đối với nhà máy có công suất 30 triệu tấn/năm, tuy nhiên độ chính xác chỉ ở mức tiền khả thi.

Hiệu quả của Dự án IRR 14,8% là tương đối cao. Tuy nhiên chưa có thuyết minh cụ thể về chi phí đầu vào, đầu ra, chi phí vốn (vốn vay và vốn chủ sở hữu) và các tính toán lại được dựa trên yếu tố có tính đến ưu đãi của Chính phủ tương tự như của NMLD Vũng Rô. Do đó cần phải được đánh giá thêm, có xét đến cơ cấu sản phẩm lọc dầu của Dự án chủ yếu phục vụ xuất khẩu (chỉ một phần cho nhu cầu trong nước).

10. Về vấn đề thu xếp vốn

- Theo đề xuất của Nhà đầu tư, tổng mức đầu tư của Dự án ước tính 27 tỷ USD trong đó cơ cấu vốn góp/vốn vay là 50/50 hoặc 40/60. Đây là khoản tiền rất lớn, việc thu xếp vốn góp và vốn vay chưa rõ ràng và không đơn giản.

- Báo cáo có đề cập đến thư của Ngân hàng HSBC, tuy nhiên HSBC chỉ nêu một số quan điểm chung về tài chính liên quan đến Dự án và các thuận lợi nếu Dự án được triển khai theo đề xuất của Nhà đầu tư. HSBC cũng cho rằng khả năng thu xếp vốn cho Dự án sẽ được làm rõ trong quá trình lập Dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi).

11. Về ưu đãi đầu tư

Cần phải làm rõ với Nhà đầu tư về chính sách ưu đãi của Chính phủ theo hướng:

- Mức độ ưu đãi đầu tư cho Dự án sẽ được làm rõ khi mục tiêu đầu tư được Chính phủ phê duyệt. Trường hợp chỉ thuần túy xuất khẩu sản phẩm thì mức độ ưu đãi phải khác mức độ ưu đãi đối với Dự án cung cấp cho thị trường nội địa.

- Các sản phẩm xuất khẩu sẽ phải chịu mức thuế xuất khẩu sản phẩm theo quy định của Chính phủ Việt Nam.

- Việc bảo lãnh bao tiêu sản phẩm, bảo lãnh chuyển đổi ngoại tệ và bảo lãnh các nội dung khác như đã áp dụng đối với các Dự án Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn, NMLD Vũng Rô thuộc thẩm quyền của Chính phủ, tùy thuộc vào

mức độ và tính chất của Dự án (ý kiến một số Bộ, ngành không ủng hộ việc này, mặc dù Dự án mới trong giai đoạn được xem xét để bổ sung Quy hoạch).

12. Về các vấn đề khác

Một số nội dung khác cần được làm rõ với Nhà đầu tư như:

- Về chi phí đầu tư hạ tầng cơ sở ngoài hàng rào: sẽ do Nhà đầu tư ứng trước, được hoàn trả thông qua việc khấu trừ nghĩa vụ thuế sau này theo quy định của Chính phủ Việt Nam.

- Về tuyến luồng vào khu vực Nhơn Hội (hiện nay đang rất cạn, cao độ chỉ đạt 0.00 hệ hải hồ) và cảng Nhơn Hội không phải là cảng chuyên dụng cho Dự án: Nhà đầu tư phải tính toán đầy đủ các chi phí cần thiết trong tổng mức đầu tư về các hạng mục công trình biển (cảng nhập nguyên liệu, cảng xuất sản phẩm, dê chắn sóng, nạo vét luồng...);

- Về tác động đến môi trường sinh thái và tài nguyên khoáng sản: đề nghị UBND tỉnh Bình Định nghiên cứu, đánh giá đầy đủ, tránh ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và thất thoát tài nguyên khoáng sản của Việt Nam.

IV. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

Báo cáo đề xuất đầu tư Dự án của PTT đã ở mức Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Tuy nhiên, do Dự án chưa có trong Quy hoạch nên để Chủ đầu tư có thể triển khai các bước tiếp theo, Dự án cần được bổ sung vào Quy hoạch. Sau khi được bổ sung vào Quy hoạch, Nhà đầu tư cần triển khai các thủ tục tiếp theo để Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án, trên cơ sở đó lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

Bộ Công Thương cho rằng trong bối cảnh tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đang gặp khó khăn, các dự án NMLD Nam Vân Phong và NMLD Long Sơn chưa tìm được đối tác tham gia đầu tư thì việc có đối tác quan tâm khả năng đầu tư Dự án nên được ủng hộ.

Mặt khác, Quy hoạch phát triển ngành Dầu khí cũng đề mở khả năng bổ sung các NMLD mới phục vụ thị trường trong nước, xuất khẩu. Vì vậy, việc xem xét bổ sung Dự án vào Quy hoạch để có cơ sở cho Chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo là cần thiết.

2. Kiến nghị

Do mới ở mức độ trình xem xét bổ sung Quy hoạch nên nhiều nội dung mà Nhà đầu tư đã báo cáo và các Bộ, ngành đã xem xét là quá chi tiết. Tuy nhiên, với quy mô và tính chất của Dự án thì việc nghiên cứu có ý kiến về những nội dung trên cũng là điều cần thiết và cũng đã giúp cho Nhà đầu tư có thêm được nhiều thông tin làm cơ sở cho quá trình tiếp tục hoàn chỉnh việc chuẩn bị.

Từ các phân tích nêu trên, Bộ Công Thương kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

a) Chấp thuận bổ sung Dự án Nhà máy lọc hóa dầu tại Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định vào Quy hoạch phát triển ngành dầu khí Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025 (dự kiến đưa vào vận hành sau năm 2020).

b) Sau khi được bổ sung Quy hoạch, Chủ đầu tư cần lưu ý làm rõ một số vấn đề như sau (đã được các Bộ, ngành nêu ý kiến trong quá trình vừa qua):

- Cân đối cung cầu sản phẩm lọc, hóa dầu của Việt Nam và phương án tiêu thụ sản phẩm (trong nước/xuất khẩu) của Dự án.

- Phương án cung cấp dầu thô dài hạn.

- Các hạng mục đầu tư công trình biển cần thiết cho Dự án (cảng, đề chắn sóng,...).

- Chi phí đầu tư hạ tầng cơ sở ngoài hàng rào (theo hướng Nhà đầu tư ứng trước, được hoàn trả thông qua việc khấu trừ nghĩa vụ thuế sau này).

- Tiến độ Dự án là hợp lý và thực tế đối với một dự án quy mô lớn.

- Cơ cấu vốn đầu tư; cam kết tham gia của các đối tác Việt Nam; cam kết tham gia của các đối tác cung cấp dầu thô.

- Tổng mức đầu tư và hiệu quả kinh tế.

- Khả năng thu xếp vốn.

Đồng thời giải trình làm rõ các nội dung đã được các Bộ, ngành góp ý.

c) Đề nghị có văn bản cam kết của đại diện pháp lý cao nhất của Tập đoàn PTT trong đầu tư Dự án.

d) Giao PVN, Petrolimex nghiên cứu, triển khai để đưa các dự án NMLD Long Sơn và Nam Vân Phong vào vận hành sau năm 2020.

Sau khi những nội dung trên được làm rõ, chủ trương đầu tư đối với Dự án Nhà máy lọc hóa dầu tại khu kinh tế Nhơn Hội mới được Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Bộ Công Thương kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg Hoàng Trung Hải (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: XD, TC, KHĐT, TNMT, GTVT;
- UBND tỉnh Bình Định;
- PVN;
- Lưu: VT, TCNL.



Vũ Huy Hoàng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 574/SY-UBND

Bình Định, ngày 16 tháng 4 năm 2013

Nơi nhận:

- Đ/c Nguyễn Văn Thiện, Bí thư Tỉnh ủy;
- Đ/c Nguyễn Thanh Tùng, PBT TT Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh;
- Sở CT, KH&ĐT;
- Lãnh đạo VP, K14;
- Lưu: VT (16b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Lê Nhuận